

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2024/HS-ST

Ngày: 29-01-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Đỗ Huy Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/TLST-HS, ngày 31 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2023, đối với:

Bị cáo Lê Hoàng S, sinh năm ngày 01/01/1990, tại N, Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (sống) và bà Nguyễn Thị Y (sống); Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: ngày 11/10/2006 bị Ủy ban nhân dân xã M Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 60.000 đồng. Ngày 25/4/2007 bị Ủy ban nhân dân xã M Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã về hành vi “Trộm cắp tài sản” thời hạn 06 tháng. Ngày 21/8/2007 bị Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 1129/QĐHC,CTUBND về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Gây rối trật tự công cộng” thời gian 18 tháng.

Bị khởi tố vào ngày 17/8/2023, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/8/2023 cho đến nay

(Bị cáo có mặt).

-Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Minh T, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S (có mặt)

- Bị hại:

Ông **Lê M**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

** Người làm chứng:*

Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Hoàng S bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị can Lê Hoàng S là người làm thuê (Bắt heo, mổ heo và buôn bán thịt heo) cho ông Lê Minh T1. Ngày 17/02/2023 khi S đi bán thịt heo dạo cho ông T1 ở khu vực ấp A có nghe nói có hộ gia đình (không biết rõ tên chủ nhà và không nhớ địa chỉ) có kêu bán 02 con heo với giá khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng. Khi biết có người kêu bán heo, S có đến để hỏi nhưng không gặp chủ nhà nên không bàn bạc được giá cả, lúc này S có dùng điện thoại quay hình của 02 con heo lại. Khi về gặp ông T1, S có nói với ông T1 và đưa hình cho ông T1 xem, ông T1 đồng ý mua. Đến sáng ngày 19/02/2023 khi ông T1 đang ở sạp thịt heo trong chợ M1 (ấp M, xã M, thị xã N) có kêu S đi đến nhà của bà Võ Thị B (ở ấp M, xã M, thị xã N) để lấy tiền đặt cọc heo mà ông T1 đưa cho bà B trước đó và tiền thịt heo do bà B mua chưa trả tiền. Khoảng 15 phút sau, S quay về sạp thịt và thông báo cho ông T1 là không gặp được bà B nên chưa lấy được tiền. Sau đó, ông T1 đưa cho S số tiền 4.000.000 đồng để đi bỏ cọc heo. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S tiếp tục đến nhà của bà Võ Thị B và lấy số tiền 2.150.000 đồng mà bà B trả cho ông T1 rồi đi về nhà.

Khi về đến nhà S nghĩ đến việc khoảng 4-5 ngày trước đó vợ của S là Lê Thị T2 có liên lạc và nói với S “Có tiền không, đem lên trả nợ cho T2, rồi T2 về ở lại với S), do đang giữ số tiền 6.150.000 đồng của ông T1 nên S nảy sinh ý định lấy số tiền này để đưa cho T2 và rước T2 về ở với mình. Vì vậy, S chở theo con để đi tìm T2 theo địa chỉ mà T2 gởi cho S trước đó để rước T2 về nhà. Trên đường đi đến khu vực thành phố N, Hậu Giang thì T2 điện thoại cho S kêu S chuyển tiền, khi nghe điện thoại xong, S ghé vào cửa hàng điện thoại ở dọc đường (không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ) chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản (hiện tại không có lưu giữ nên không nhớ số) mà T2 gởi. Sau khi chuyển xong T2 có điện thoại cho hay là nhận tiền được rồi, S tiếp tục đi đến địa chỉ T2 cho ở Long An, tuy nhiên trên đường đi Sông có liên hệ nhiều

lần với T2 nhưng không được, nên S không gặp được T2. Sau đó, S tiếp tục đi lên Bình Dương để làm thuê và đã sử dụng hết số tiền còn lại là 2.150.000 đồng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi ông T1 đưa tiền cho S thì có liên lạc với S nhiều lần nhưng không được đến ngày 20/02/2023 ông T1 gặp bà B ở chợ M1 thì bà B cho hay là đã trả số tiền 2.150.000 đồng cho Lê Hoàng S. Biết S đã lấy tiền của mình và bỏ đi nên ông T1 đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Cáo trạng số 47A/CT-VKSNN ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Lê Hoàng S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai nhận tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tài liệu chứng cứ khác do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Hoàng S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2022 ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Lê Hoàng S từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Không có

+ Đối với Lê Thị T2 (vợ của bị can S) quá trình điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của T2 nhưng T2 đã bỏ địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể bà T2 đang sinh sống ở đâu nên chưa tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được với bà T2 sẽ xem xét có vai trò đồng phạm hay không.

- Tại phiên tòa bị cáo Lê Hoàng S thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Bị hại Lê Minh T1 thống nhất với nội dung cáo trạng và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị B không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo ý kiến trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cũng như ý kiến của Vị đại diện viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt. Do trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo

thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế bản thân bị cáo đang một mình nuôi 4 đứa con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo lao động sản xuất nuôi 4 đứa con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B và người làm chứng ông Nguyễn Văn K vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bà B, ông K.

[3] Về việc nội dung vụ án

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Hoàng S thừa nhận có thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã nêu.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 19/02/2023 bị cáo Lê Hoàng S đã có hành vi nhận số tiền 6.215.000 đồng ông T1 đưa cho bị cáo đi đặt cọc mua heo và tiền của bà B trả cho ông T1 nhưng bị cáo không đem đi đặt cọc mua heo, không đưa tiền lại cho ông T1 mà sử dụng nguồn tiền của ông T1 vào mục đích cá nhân trong khi chưa được sự đồng ý của ông T1 nên hành vi của bị cáo Lê Hoàng S đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã truy tố.

Xét hành vi của bị cáo Lê Hoàng S thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Xuất phát từ việc muốn có tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân của bị cáo và lợi dụng lòng tin của ông T1 nên khi nhận được tiền của ông T1 và số tiền của bà B đưa bị cáo thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 6.215.000 đồng của ông T1 nên việc truy tố đưa bị cáo ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình, số tiền chiếm đoạt bị cáo đã trả lại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo đang một mình nuôi 4 con dưới 18 tuổi, bị cáo thuộc diện

hộ nghèo của địa phương, tội phạm thực hiện một cách giản đơn. Tuy nhiên, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa nghiêm. Cụ thể, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không có mặt theo thông báo của Tòa án, vi phạm nghĩa vụ trong khi vụ án chưa được giải quyết dứt điểm và theo xác nhận của địa phương hiện nay bị cáo không có mặt ở địa phương đi đâu không báo cho địa phương, cũng không biết hiện nay bị cáo đang ở đâu, bị cáo không chấp hành đúng theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án. Vì vậy, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và để cho bị cáo có thời gian tự soi rọi và suy nghĩ về những hành vi sai phạm bị cáo đã thực hiện, cũng như để cho bị cáo được lao động học tập khi trở về hòa nhập cộng đồng sẽ trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, nghĩ nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về khung hình phạt phải áp dụng; áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 nên căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự quy định về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hôm nay phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có căn cứ và có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa thể hiện tính nghiêm minh, chưa đủ sức răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù như đã nhận định nêu trên.

[7] Xét lời đề nghị của Vị luật sư bào chữa cho bị cáo về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc cho bị cáo được hưởng án treo là chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, không đảm bảo tính răn đe của pháp luật nên không chấp nhận đề nghị cho bị cáo hưởng án treo như đã nhận định nêu trên.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về phần xử lý vật chứng: Không có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nhưng do bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có yêu cầu nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[11] Đối với Lê Thị T2 (vợ của bị can S) quá trình điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của T2 nhưng T2 đã bỏ địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể bà T2 đang sinh sống ở đâu nên chưa tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được với bà T2 sẽ xem xét có vai trò đồng phạm hay không là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 38, Điều 50; điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hoàng S, phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S: 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án hoặc bị bắt đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không có.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ; NBC;
- VKSND thị xã Ngã Năm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQ.THAHS Công an thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh